BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRƯNG VƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Phú Thọ, ngày tháng năm 2025

THỜI KHÓA BIỂU KHÓA K16 TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC CHÍNH QUY LỚP CT12502 NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2025 - 2026

STT	Học phần	Số tín chỉ	Tiết học	Số tiết	Giảng viên * là GVCH	Hình thức học	Phòng học	Tháng	THÁNG 12/2025																													Ghi chú
								Thứ	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
								Ngày	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28		
1	Triết học Mác - Lênin	3(3,0) LT:45, TH:0	6,7,8	3	ThS. Nguyễn Thị Huệ*	Trực tiếp	P.08-T4	Chiều	DỰ PHÒNG - ÔN THI THI KẾT THÚC HKI																		LT							LT				
			9,10	2	ThS. Nguyễn Thị Huệ*																			LT							LT							
2	Tiếng Anh 2	3(2.6; 0.4) LT:39, TH:12	6,7,8	3	ThS. Trần Tú Anh*	Trực tiếp	P.05-T4	Chiều															LT							LT								
			9,10	2	ThS. Trần Tú Anh*																				LT							LT						
3	Cơ sở dữ liệu	3(2.4; 0.6) LT:36, TH:18	6,7,8	3	TS. Trần Thị Thu Hà*	Trực tiếp	PM. T12A	Chiều																	LT	LT						LT	LT					
4	Mạng máy tính	3(2.4; 0.6) LT:36, TH:18	6,7,8	3	ThS. Nguyễn Thị Hương Giang*	Trực tiếp	P.05-T4	Chiều																				LT							LT			
			9,10	2																						LT							LT					
5	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3(2.4; 0.6) LT:36, TH:18	6,7,8	3	ThS. Nguyễn Thị Hương Giang*	Trực tiếp	PM. T12A	Chiều																LT							LT							
			9,10	2																							LT							LT				
6	Thiết kế Web	2(1.4; 0.6) LT:21, TH:18	1,2,3	3	ThS. Mai Văn Tám*	Trực tiếp	PM. T12A	Sáng																				LT							LT			
			9,10	2	ThS. Mai Văn Tám*			Chiều															LT							LT								

STT	Học phần	Số tín chỉ	Tiết học	Số tiết	Giảng viên * là GVCH	Hình thức học	Phòng học	Tháng	THÁNG 01/2026																													Ghi chú
								Thứ	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
								Ngày	29/12	30/12	31/12	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25		
1	Triết học Mác - Lênin	3 (3,0) LT:45, TH:0	6,7,8	3	ThS. Nguyễn Thị Huệ*	Trực tiếp	P.08-T4	Chiều				NGHỈ TẾT DƯƠNG LỊCH	LT							LT							LT							LT				
			9,10	2	ThS. Nguyễn Thị Huệ*					LT							LT							LT							LT							
2	Tiếng Anh 2	3 (2.6; 0.4) LT:39, TH:12	6,7,8	3	ThS. Trần Tú Anh*	Trực tiếp	P.05-T4	Chiều	LT							LT							LT							LT								
			9,10	2	ThS. Trần Tú Anh*						LT							LT							LT							LT							
3	Cơ sở dữ liệu	3(2.4; 0.6) LT:36, TH:18	6,7,8	3	TS. Trần Thị Thu Hà*	Trực tiếp	PM. T12A	Chiều			LT							LT	LT						LT	LT						LT	LT					
4	Mạng máy tính	3(2.4; 0.6) LT:36, TH:18	6,7,8	3	ThS. Nguyễn Thị Hương Giang*	Trực tiếp	P.05-T4	Chiều						LT							LT							LT							LT			
			9,10	2															LT							LT							LT					
5	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3(2.4; 0.6) LT:36, TH:18	6,7,8	3	ThS. Nguyễn Thị Hương Giang*	Trực tiếp	PM. T12A	Chiều		LT							LT							LT							LT							
			9,10	2									LT							LT							LT							LT				
6	Thiết kế Web	2(1.4; 0.6) LT:21, TH:18	1,2,3	3	ThS. Mai Văn Tám*	Trực tiếp	PM. T12A	Sáng						LT							LT							TH							TH			
			9,10	2	ThS. Mai Văn Tám*			Chiều	LT							LT							LT 1 TH:1							TH								

STT	Học phần	Số tín chỉ	Tiết học	Số tiết	Giảng viên * là GVCH	Hình thức học	Phòng học	Tháng	THÁNG 02/2026																												Ghi chú
								Thứ	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
								Ngày	26/01	27/01	28/01	29/01	30/01	31/01	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1	Triết học Mác - Lênin	3 (3,0) LT:45, TH:0	6,7,8	3	ThS. Nguyễn Thị Huệ*	Trực tiếp	P.08-T4	Chiều					LT			DỰ PHÒNG							NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN													
			9,10	2	ThS. Nguyễn Thị Huệ*					LT																											
2	Tiếng Anh 2	3 (2.6; 0.4) LT:39, TH:12	6,7,8	3	ThS. Trần Tú Anh*	Trực tiếp	P.05-T4	Chiều	LT																												
			9,10	2	ThS. Trần Tú Anh*						LT																										
3	Cơ sở dữ liệu	3(2.4; 0.6) LT:36, TH:18	6,7,8	3	TS. Trần Thị Thu Hà*	Trực tiếp	PM. T12A	Chiều			LT	TH																									
4	Mạng máy tính	3(2.4; 0.6) LT:36, TH:18	6,7,8	3	ThS. Nguyễn Thị Hương Giang*	Trực tiếp	P.05-T4	Chiều						LT																							
			9,10	2								LT																									
5	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3(2.4; 0.6) LT:36, TH:18	6,7,8	3	ThS. Nguyễn Thị Hương Giang*	Trực tiếp	PM. T12A	Chiều		LT																											
			9,10	2									LT																								
6	Thiết kế Web	2(1.4; 0.6) LT:21, TH:18	1,2,3	3	ThS. Mai Văn Tám*	Trực tiếp	PM. T12A	Sáng						TH																							
			9,10	2	ThS. Mai Văn Tám*			Chiều	TH																												

STT	Học phần	Số tín chỉ	Tiết học	Số tiết	Giảng viên * là GVCH	Hình thức học	Phòng học	Tháng	THÁNG 03/2026																												Ghi chú
								Thứ	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	
								Ngày	23/02	24/02	25/02	26/02	27/02	28/02	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1	Triết học Mác - Lênin	3 (3,0) LT:45, TH:0	6,7,8	3	ThS. Nguyễn Thị Huệ*	Trực tiếp	P.08-T4	Chiều					LT							LT																	
			9,10	2	ThS. Nguyễn Thị Huệ*					LT							LT																				
2	Tiếng Anh 2	3 (2.6; 0.4) LT:39, TH:12	6,7,8	3	ThS. Trần Tú Anh*	Trực tiếp	P.05-T4	Chiều	LT							TH							TH							TH:1							
			9,10	2	ThS. Trần Tú Anh*						LT:1 TH:1							TH							TH												
3	Cơ sở dữ liệu	3(2.4; 0.6) LT:36, TH:18	6,7,8	3	TS. Trần Thị Thu Hà*	Trực tiếp	PM. T12A	Chiều			TH	TH						TH	TH						TH												
4	Mạng máy tính	3(2.4; 0.6) LT:36, TH:18	6,7,8	3	ThS. Nguyễn Thị Hương Giang*	Trực tiếp	P.05-T4	Chiều						LT:1 TH:2							TH						TH							TH			
			9,10	2								LT							TH							TH						TH					
5	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3(2.4; 0.6) LT:36, TH:18	6,7,8	3	ThS. Nguyễn Thị Hương Giang*	Trực tiếp	PM. T12A	Chiều		LT:1 TH:2							TH							TH							TH						
			9,10	2									TH							TH							TH							TH:1			
6	Thiết kế Web	2(1.4; 0.6) LT:21, TH:18	1,2,3	3	ThS. Mai Văn Tám*	Trực tiếp	PM. T12A	Sáng						TH:2																							
			9,10	2	ThS. Mai Văn Tám*			Chiều	TH																												

STT	Học phần	Số tín chỉ	Tiết học	Số tiết	Giảng viên * là GVCH	Hình thức học	Phòng học	Tháng	THÁNG 04/2026																										
								Thứ	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật
								Ngày	23/03	24/03	25/03	26/03	27/03	28/03	29/03	30/03	31/03	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Triết học Mác - Lênin	3 (3,0) LT:45, TH:0	6,7,8	3	ThS. Nguyễn Thị Huệ*	Trực tiếp	P.08-T4	Chiều								DỰ PHÒNG - ÔN THI							THI KẾT THÚC HK2													
			9,10	2	ThS. Nguyễn Thị Huệ*																															
2	Tiếng Anh 2	3 (2.6; 0.4) LT:39, TH:12	6,7,8	3	ThS. Trần Tú Anh*	Trực tiếp	P.05-T4	Chiều																												
			9,10	2	ThS. Trần Tú Anh*																															
3	Cơ sở dữ liệu	3(2.4; 0.6) LT:36, TH:18	6,7,8	3	TS. Trần Thị Thu Hà*	Trực tiếp	PM. T12A	Chiều																												
4	Mạng máy tính	3(2.4; 0.6) LT:36, TH:18	6,7,8	3	ThS. Nguyễn Thị Hương Giang*	Trực tiếp	P.05-T4	Chiều																												
			9,10	2								TH:1																								
5	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3(2.4; 0.6) LT:36, TH:18	6,7,8	3	ThS. Nguyễn Thị Hương Giang*	Trực tiếp	PM. T12A	Chiều																												
			9,10	2																																
6	Thiết kế Web	2(1.4; 0.6) LT:21, TH:18	1,2,3	3	ThS. Mai Văn Tám*	Trực tiếp	PM. T12A	Sáng																												
			9,10	2	ThS. Mai Văn Tám*			Chiều																												

Ghi chú:

Tiết học	Thời gian	Tiết học	Thời gian	Tiết học	Thời gian
1	7.30-8.20	6	13.30-14.20	11	18.15-19.05
2	8.25-9.15	7	14.25-15.15	12	19.10-20.00
3	9.20-10.10	8	15.20-16.10		
4	10.20-11.10	9	16.20-17.10		
5	11.15-12.05	10	17.15-18.05		

- BGH (để báo cáo)
- Các đơn vị liên quan (để t/h)
- Lưu ĐT.

KHOA CNTT

Nguyễn Xuân Dũng

PHÒNG ĐÀO TẠO

Nguyễn Thị Huệ

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRƯNG VƯƠNG
TỈNH VĨNH PHÚC

Phạm Như Nghệ